



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 13

Ngày 01 tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

01-02-2016- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ban hành Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

26-01-2016- Quyết định số 59/QĐ-UBND công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực năm 2015.

19

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- 21-01-2016- Quyết định số 253/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2015. 29

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

- 28-01-2016- Quyết định số 310/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành đến 31/12/2015. 31

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 22-01-2016- Quyết định số 330/QĐ-UBND về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ năm 2015. 33

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- 22-01-2016- Quyết định số 318/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 36
- 22-01-2016- Quyết định số 319/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức hết hiệu lực toàn bộ năm 2015. 40

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 26-01-2016- Quyết định số 229/QĐ-UBND về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2016. 45

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

29-01-2016- Quyết định số 68/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 49

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

29-01-2016- Quyết định số 799/QĐ-UBND về công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016. 53

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Luật: tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013; bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở; số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 60/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác

của xã, phường, thị trấn; số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp; số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê; số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư liên tịch: số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức; số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi olympic quốc tế và khu vực; số 225/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015; số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữa trị bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe; số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 20 về quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp và Sở Tài chính tại Tờ trình số 6130/TTr-STP-STC ngày 13 tháng 11 năm 2015 và Tờ trình số 84/TTr-STP-PBGDPL ngày 07 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (Mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 72/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn một số mức chi cụ thể thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải và hòa giải viên; kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng

Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành và được tổng hợp vào dự toán hàng năm của cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và theo Quy định này.

Chương II

CÁC NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 4. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

1. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn có cấp chứng chỉ, có thêm mục chi cho việc biên soạn đề thi, đáp án, chấm thi và in ấn chứng chỉ.

2. Đối với đào tạo thuộc các chương trình, đề án, kế hoạch về hòa giải cơ sở:

Việc hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ, đi lại cho học viên bao gồm: cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ (*theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP*), hòa giải viên và các đối tượng khác là những người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, cá nhân có uy tín trong cộng đồng dân cư tham gia hòa giải ở cơ sở thực hiện theo mức chi hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ: Thực hiện thanh toán theo thực tế nhưng không được vượt quá mức khoán chi thuê phòng nghỉ quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 2 Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

b) Phụ cấp lưu trú: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 2 Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

c) Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 50.000 đồng/ngày/học viên.

d) Hỗ trợ tiền phương tiện đi lại: 50.000 đồng/lượt/học viên.

Điều 5. Chi biên soạn, biên dịch, phát hành tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở

Chi biên soạn, in, phát hành hoặc đăng tải trên website, trang tin điện tử các loại sách, tài liệu pháp luật, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở (*sách pháp luật phổ thông, tình huống giải đáp pháp luật, tờ gấp pháp luật, câu chuyện pháp luật, tiểu phẩm pháp luật và các tài liệu khác phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở*), bao gồm:

1. Chi biên soạn bài giảng, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở:

- a) Chi viết tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn.
- b) Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 25.000 đồng/trang chuẩn.
- c) Chi thẩm định nhận xét: 35.000 đồng/trang chuẩn.

2. Chi biên soạn sách, tài liệu hệ thống hóa các văn bản pháp luật:

- a) Chi viết tài liệu: 45.000 đồng/trang chuẩn.
- b) Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 25.000 đồng/trang chuẩn.
- c) Chi thẩm định nhận xét: 20.000 đồng/trang chuẩn.

3. Chi xây dựng tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 300.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.

4. Chi xây dựng tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 1.000.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.

5. Chi xây dựng câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 1.500.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.

6. Chi xây dựng tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia): 5.000.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.

7. Chi biên dịch các tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở sang tiếng dân tộc thiểu số, sang tiếng nước ngoài và ngược lại:

a) Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU sang Tiếng Việt: tối đa không quá 120.000 đồng/trang (350 từ).

b) Tiếng Việt sang Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU: tối đa không quá 150.000 đồng/trang (350 từ).

Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông, tiếng dân tộc thiểu số: mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.

8. Chi in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng, đĩa phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, tập san, bản tin, thông tin lưu động về hòa giải ở cơ sở thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm, trường hợp thuộc diện phải đấu thầu thì thực hiện theo quy định về đấu thầu.

9. Chi hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ phát lại các chương trình, chuyên mục hòa giải ở cơ sở trên sóng phát thanh, truyền hình thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 225/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT:

a) Chi biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh: 75.000 đồng/trang (*tính theo trang chuẩn 350 từ*).

b) Chi bồi dưỡng phát thanh bằng tiếng Việt: 15.000 đồng/lần;

c) Chi bồi dưỡng phát thanh bằng tiếng dân tộc: 20.000 đồng/lần.

Điều 6. Chi tổ chức cuộc thi về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở

1. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo mức chi tổ chức cuộc thi, hội thi quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT. Một số mức chi cụ thể như sau:

a) Biên soạn, thẩm định, duyệt đề thi:

- Biên soạn đề thi: Đối với đề thi trắc nghiệm: từ 10.000 đến 64.000 đồng/câu (*tùy theo tính chất phức tạp của câu trắc nghiệm*); đối với đề thi viết, thi sân khấu hóa: 735.000 đồng/đề thi.

- Thẩm định, duyệt đề thi trắc nghiệm: từ 10.000 đến 56.000 đồng/câu (*tùy theo tính chất phức tạp của câu trắc nghiệm*).

b) Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng ra đề thi:

- Chủ tịch: 245.000 đồng/người/ngày.

- Phó Chủ tịch: 196.000 đồng/người/ngày.

- Ủy viên, thư ký: 161.000 đồng/người/ngày.

c) Chi bồi dưỡng chấm thi:

- Chấm thi trắc nghiệm: 245.000 đồng/người/ngày.

- Chấm thi viết: 63.000 đồng/người/bài.

- Chấm thi sân khấu hóa: 2.000.000 đồng/người/ngày.

d) Chi tổ chức coi thi:

- Chủ tịch: 185.000 đồng/người/ngày.

- Phó Chủ tịch: 175.000 đồng/người/ngày.

- Ủy viên, thư ký: 147.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức (*Trưởng ban, Phó Trưởng ban, ủy viên, thư ký*), thành viên hội đồng thi (*ban giám khảo, ban giám thị...*) trong những ngày tổ chức cuộc thi: 40.000 đồng/người/buổi.

Thành viên ban tổ chức đã được hưởng khoản hỗ trợ này thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan.

e) Chi hỗ trợ tiền ăn cho thí sinh tham gia cuộc thi (*kể cả ngày tập luyện và ngày thi, tối đa không quá 10 ngày*) là 40.000 đồng/người/buổi. Thí sinh tham gia cuộc thi hưởng khoản hỗ trợ này là người không hưởng lương từ ngân sách.

Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho thí sinh tham gia cuộc thi theo mức thanh toán khoán hoặc theo hóa đơn thực tế quy định về chế độ thanh toán tiền công tác phí nêu tại Khoản 4, Điều 2 Thông tư 97/2010/TT-BTC.

g) Chi bồi dưỡng ban tổ chức:

- Trưởng ban: 196.000 đồng/người/ngày.
- Phó Trưởng ban: 161.000 đồng/người/ngày.
- Thư ký, giám thị: 112.000 đồng/người/ngày.

h) Một số mức chi đặc thù đối với cuộc thi sân khấu, thi trên internet:

- Thuê người dẫn chương trình: tối đa 2.000.000 đồng/người/ngày.
- Chi thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: tối đa 10.000.000 đồng/ngày. Riêng đối với cuộc thi sân khấu (*phổ biến, giáo dục pháp luật*) quy mô cấp thành phố, tùy thuộc vào tính chất cuộc thi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định và chịu trách nhiệm về mức thuê hội trường, quyết toán theo thực tế, đúng thủ tục quy định của cơ quan tài chính có thẩm quyền.

- Thuê văn nghệ, diễn viên: tối đa 300.000 đồng/người/ngày.

- Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (*đối với cuộc thi qua mạng điện tử*): thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC.

i) Chi giải thưởng: thực hiện theo quy định tại phụ lục của Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

2. Các khoản chi khác căn cứ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

Điều 7. Chi tổ chức bầu hòa giải viên

1. Chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu phục vụ việc bầu hòa giải viên:

căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên: 10.000 đồng/người/buổi.

3. Chi bồi dưỡng thành viên ban tổ chức bầu hòa giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hòa giải viên: 70.000 đồng/người/buổi.

Điều 8. Chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải

1. Chi thù lao cho hòa giải viên (*đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải*): 200.000 đồng/vụ, việc/tổ hòa giải.

2. Chi hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: Mức chi bằng 05 tháng lương cơ sở.

3. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (*chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải*): 100.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

Điều 9. Chi tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động hòa giải ở cơ sở; chi tổ chức các cuộc họp triển khai chương trình, đề án, kế hoạch công tác hòa giải ở cơ sở

1. Chi tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm quản lý về hòa giải cơ sở, tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi tiêu tổ chức các hội thảo khoa học như sau:

a) Người chủ trì: 200.000 đồng/buổi.

b) Thư ký: 100.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng: tùy thuộc vào nội dung tham luận, mức chi tối đa là 500.000đ/bài.

d) Đại biểu được mời tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

Điều 10. Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát nhu cầu về tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, nghiệp vụ của cán bộ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên; thực hiện tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở; khảo sát mô hình tổ chức và kinh nghiệm hoạt động hòa giải ở cơ sở trong nước và nước ngoài

Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC.

Điều 11. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác hòa giải ở cơ sở

Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hàng năm về công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC, Thông tư số 97/2010/TT-BTC và Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND. Một số nội dung chi và mức chi cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ tiền ăn cho thành viên đoàn kiểm tra: 50.000 đồng/người/buổi.
2. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Đối với đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (*tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc*) cho các thành viên trong đoàn. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (*trong giấy mời, triệu tập*) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này.

Điều 12. Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác hòa giải ở cơ sở (nếu có)

1. Chi hoạt động của ban chỉ đạo các chương trình, đề án về hòa giải ở cơ sở: thực hiện theo Thông tư số 100/2014/TTLT-BTC-BTP và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về mức chi bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các thành viên ban chỉ đạo, hội đồng và tổ tư vấn giúp việc.

2. Chi thực hiện thống kê, báo cáo đánh giá về công tác hòa giải ở cơ sở, bao gồm chi thống kê, thu thập, xử lý thông tin, số liệu từ báo cáo đánh giá của các quận, huyện:

a) Báo cáo định kỳ về công tác hòa giải ở cơ sở hàng năm: 1.500.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo chuyên đề về công tác hòa giải ở cơ sở: 500.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo đột xuất về công tác hòa giải ở cơ sở: 500.000 đồng/báo cáo.

3. Chi mua, thuê, sửa chữa trang thiết bị, tài sản, chi mua sách báo, tài liệu, văn phòng phẩm và một số khoản chi mua, thuê khác phục vụ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; trường hợp thuộc diện phải đấu thầu mua sắm thì thực hiện theo các quy định của pháp luật đấu thầu.

4. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC.

5. Chi thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch công tác hòa giải ở cơ sở đã được phê duyệt ngoài việc thực hiện theo các nội dung chi và mức chi quy định tại Chương II Quyết định này, một số mức chi khác thực hiện theo Điểm r, Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

6. Chi hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (*bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết*) được thực hiện như sau:

a) Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế thì việc thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

b) Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 22 Luật bảo hiểm y tế (*đã được sửa đổi, bổ sung*).

7. Chi hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT.

8. Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về hòa giải ở cơ sở thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP.

9. Chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về hoạt động hòa giải ở cơ sở trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Xây dựng chương trình, chuyên mục, thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài phát thanh, đài truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin; thực hiện thông tin, truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở (*bao gồm biên soạn tin, bài phục vụ việc phát thanh; thù lao cho phát thanh viên*) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2014/TTLT-BTC-BTP.

10. Chi rà soát, thống kê, hệ thống hóa các văn bản, tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở, triển khai các nhiệm vụ của chương trình, đề án, kiến nghị hoàn thiện thể chế hòa giải ở cơ sở: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP.

11. Chi thực hiện các dự án từ nguồn tài trợ của nước ngoài căn cứ vào văn bản hợp tác quốc tế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trong trường hợp các bên không có thỏa thuận cụ thể về nội dung chi và mức chi thì có thể vận dụng các quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở

1. Việc lập dự toán ngân sách:

a) Lập dự toán ngân sách chi cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở:

Hàng năm, các sở, ngành, đoàn thể và các địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, các chương trình, đề án, kế hoạch về hòa giải ở cơ sở đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở của năm và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ban hành kế hoạch để làm căn cứ lập dự toán ngân sách.

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán kinh phí chi tiết cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao dự toán ngân sách hàng năm. Việc lập dự toán

kinh phí thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện đề án các cấp ở địa phương, căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch thực hiện đề án, lập dự toán thực hiện các nhiệm vụ của đề án, tổng hợp chung trong dự toán của cơ quan, tổ chức gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm để bảo đảm triển khai thực hiện.

b) Việc lập dự toán ngân sách chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải:

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của hòa giải viên và tổ hòa giải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2003/TT-BTC.

Về lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên, căn cứ vào nhiệm vụ công tác hòa giải trong năm kế hoạch và chế độ, chi tiêu tài chính hiện hành, công chức Tư pháp - Hộ tịch lập dự toán chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên, gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện để xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên.

Về lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải, hàng năm, căn cứ thực tế hỗ trợ của năm trước, Ủy ban nhân dân quận, huyện lập dự toán kinh phí hỗ trợ để tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp mình, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thực hiện phân bổ cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để chi trả tiền hỗ trợ theo quyết định của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác hòa giải được thực hiện như sau:

a) Việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo chế độ và quy định quản lý tài chính hiện hành.

b) Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quyết toán kinh phí đã chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên trong quyết toán ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thủ

tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

c) Thủ tục cấp, chi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân dân quận, huyện chuyển Quyết định hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đã ra quyết định công nhận hòa giải viên để thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Khoản 5, Điều 18 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập quyết toán kinh phí đã chi hỗ trợ trong quyết toán ngân sách hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Sở Tài chính và Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện Quy định này, thường xuyên kiểm tra, bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4****ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/QĐ-UBND

*Quận 4, ngày 26 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp Quận 4 tại Tờ trình số 03/TTr-PTP ngày 22 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 4 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2015 (*đính kèm Danh mục văn bản*).

Điều 2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 4 chịu trách nhiệm niêm yết và đăng tải Quyết định này tại trụ sở và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận 4.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 4, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Quân

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN TRONG NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 59/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4)

A. VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 4 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015:

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Nghị quyết	16/2005/NQ-HĐND ngày 26/7/2005	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân khóa IX kỳ họp thứ 4 về xây dựng quận văn hóa.	Hiện nay, các tiêu chuẩn văn hóa được thực hiện theo Quyết định số 4946/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành các tiêu chuẩn văn hóa giai đoạn 2012-2015.	
2.	Nghị quyết	23/2006/NQ-HĐND ngày 18/5/2006	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân khóa IX kỳ họp thứ 7 về kế hoạch xây dựng Quận đô thị, Quận dịch vụ, Cải cách hành chính, chống quan liêu, chống tham nhũng và chống lãng phí giai đoạn 2006-2010.	Nghị quyết được áp dụng trong 5 năm (2006-2010). Do đó, thời hạn điều chỉnh của văn bản đã hết.	

3.	Nghị quyết	24/2006/NQ-HĐND 18/5/2006 ngày	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân khóa IX kỳ họp thứ 7 về cho phép xây dựng nhà tạm cư cho các hộ chờ bố trí tái định cư và điều chỉnh quy hoạch chung Quận 4.	Hết hiệu lực do không còn đối tượng điều chỉnh được quy định trong văn bản.	
4.	Nghị quyết	48/2008/NQ-HĐND 11/9/2008 ngày	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân khóa IX kỳ họp thứ 7 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006-2010) trên địa bàn Quận 4 và 15 phường thuộc Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.	Hiện nay, quy hoạch sử dụng đất được thực hiện theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 8/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của Quận 4.	

B. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015:

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Chỉ thị	05/2010/CT-UBND ngày 23/12/2010	Tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Quận 4.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 4.	15/01/2016

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
2.	Chỉ thị	06/2011/CT-UBND ngày 12/5/2011	Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 4.	15/01/2016

C. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2015:

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Quyết định	633/2009/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải	- Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định này đã hết hiệu lực thi hành, gồm: Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện	- Luật Đất đai 2013 (có hiệu lực ngày 01/7/2014). - Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (có hiệu lực ngày 01/7/2014). - Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên	

		<p>phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Quận 4.</p>	<p>quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của UBND Thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Một số nội dung trong Quy định không còn phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.</p>	<p>và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (có hiệu lực ngày 13/8/2014).</p> <p>- Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực ngày 25/5/2015).</p>	
<p>2.</p>	<p>Quyết định</p>	<p>06/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 4.</p>	<p>- Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định đã hết hiệu lực, gồm: Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 (có hiệu lực ngày 01/01/2015).</p> <p>- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực ngày 06/4/2015).</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (có hiệu lực ngày 05/8/2015).</p> <p>- Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và</p>	

			<p>của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.</p> <p>- Một số nội dung của Quy chế không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.</p>	<p>xếp phụ cấp trách nhiệm công việc Kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước (có hiệu lực ngày 01/01/2014).</p> <p>- Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ (có hiệu lực ngày 20/02/2014).</p>	
3.	Quyết định	<p>01/2011/QĐ-UBND ngày 03/3/2011 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị Quận 4.</p>	<p>- Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định đã hết hiệu lực: Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.</p> <p>- Một số nội dung của Quy chế không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.</p>	<p>- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (có hiệu lực ngày 20/6/2014)</p> <p>- Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV ngày 16/11/2015 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ ban hành Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc</p>	

				<p>tỉnh về các lĩnh vực quản lý Nhà nước thuộc ngành xây dựng (có hiệu lực ngày 01/01/2016).</p>	
4.	Quyết định	<p>02/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định đã hết hiệu lực, gồm: Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp. - Một số nội dung của Quy chế không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013 (có hiệu lực ngày 01/7/2014). - Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (có hiệu lực ngày 20/6/2014). - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (có hiệu lực ngày 01/7/2014). - Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. 	

5.	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 về ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Quận 4	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định có sửa đổi, bổ sung, ban hành mới. - Nội dung quy định về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại Chương III của Quy chế không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. - Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. 	
6.	Quyết định	03/2012/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ cơ quan.	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định đã hết hiệu lực thi hành, gồm: Pháp lệnh lưu trữ Quốc gia, Quyết định số 93/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) công tác văn thư, lưu trữ cơ quan. - Một số nội dung trong Quy chế không còn phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lưu trữ năm 2011 (có hiệu lực ngày 01/7/2012). - Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức (có hiệu lực ngày 01/6/2013). 	
7.	Quyết định	04/2012/QĐ-UBND ngày 30/8/2012 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định đã hết hiệu lực: Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Thông tư số 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (có hiệu lực ngày 20/6/2014) 	

		<p>Quận 4.</p>	<p>04/2008/TT-BNV ngày 04/6/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10/2/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn bổ sung nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện về công tác thanh niên.</p> <p>- Một số nội dung của Quy chế không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.</p>	<p>- Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (có hiệu lực ngày 15/12/2014).</p>	
--	--	----------------	---	---	--

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 253/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 21 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 4480/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc bãi bỏ văn bản;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp quận 6 tại Công văn số 31/TP ngày 08 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Tư pháp quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Ngô Thành Luông**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 21/01/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6)

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	07/2010/ QĐ-UBND Ngày 20/10/2010	Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác cường chế thi hành Quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn quận 6.	Quyết định số 4480/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc bãi bỏ văn bản.	14/4/2015
2	Quyết định	01/2012/ QĐ-UBND- NV Ngày 09/4/2012	Về việc ban hành Quy chế công tác Văn thư, lưu trữ của Ủy ban nhân dân quận 6.	Quyết định số 4480/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc bãi bỏ văn bản.	22/7/2015
Tổng số: 2 văn bản					

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 310/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 28 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành đến 31/12/2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 85/TTr-TP ngày 27 tháng 01 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 02 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận 7 ban hành hết hiệu lực thi hành đến 31/12/2015 theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỦ TỊCH**Lê Trọng Hiếu**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH ĐẾN 31/12/2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND
Ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch UBND quận 7)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2016: Tổng số 02 văn bản

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	2	3	4	5	6
1.	Chỉ thị	01/CT-UBND 21/01/2015	Chỉ thị về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; Tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015.	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/12/2015
2.	Quyết định	13/2012/QĐ-UBND 07/12/2012	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 7	Đã được thay thế bởi Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 19/8/2015 của Ủy ban nhân dân quận 7.	26/8/2015

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2016: Không

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 330/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 22 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ năm 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp Quận 8 tại Tờ trình số 02/TTr-TP ngày 20 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8 hết hiệu lực toàn bộ năm 2015 (09 văn bản).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Bùi Tá Hoàng Vũ**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
01	Nghị quyết	168/2006/NQ-HĐND ngày 15/02/2006	Về việc thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung Quận 8 tỷ lệ 1/5000 đến năm 2020	Không còn đối tượng điều chỉnh	12/5/2015
02	Nghị quyết	04/2006/NQ-HĐND ngày 21/12/2006	Về việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006-2010) của Quận 8	Không còn đối tượng điều chỉnh	12/5/2015
03	Nghị quyết	07/2007NQ-HĐND ngày 01/02/2007	Về việc thông qua đề án phân loại đơn vị hành chính phường	Không còn đối tượng điều chỉnh	12/5/2015
04	Nghị quyết	11/2007/NQ-HĐND ngày 13/7/2007	Về việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006-2010) của 16 phường Quận 8	Không còn đối tượng điều chỉnh	12/5/2015
05	Nghị quyết	03/2008/NQ-HĐND ngày 08/8/2008	Về việc phê chuẩn điều chỉnh quy hoạch cục bộ các kho bãi để tạo quỹ nhà tái định cư phục vụ chương trình chỉnh trang đô thị, di dời nhà lụp xụp, trên và ven kênh rạch trên địa bàn Quận 8 giai đoạn từ nay đến năm 2015	Không còn đối tượng điều chỉnh	15/01/2016

06	Quyết định	24/2006/QĐ-UBND ngày 24/7/2006	Quyết định về việc ban hành chương trình hành động của Ủy ban nhân dân Quận 8 về thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí.	Bị bãi bỏ	05/5/2015
07	Quyết định	33/2006/QĐ-UBND ngày 12/9/2006	Quyết định về việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân phường.	Bị bãi bỏ	05/5/2015
08	Chỉ thị	25/2006/CT-UBND ngày 03/8/2006	Chỉ thị về việc khai thác đất trên địa bàn Phường 4, 5, 6, 7, 15, 16 Quận 8	Bị bãi bỏ	15/01/2016
09	Quyết định	03/2008/QĐ-UBND ngày 12/6/2008	Quyết định về việc ban hành quy định quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 8.	Bị bãi bỏ	15/01/2016
Tổng số: 09 văn bản.					

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 318/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 22 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp quận Thủ Đức tại Tờ trình số 53/TTr-TP ngày 21 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 11 (mười một) văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (theo Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Huỳnh Thanh Nhân**

DANH MỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỊ BÃI BỎ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày có hiệu lực	Lý do bị bãi bỏ
NĂM 2007					
1	Quyết định	749/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức	05/3/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
2	Quyết định	750/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Tây, quận Thủ Đức	05/3/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
3	Quyết định	751/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức	05/3/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh

4	Quyết định	752/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Đông, quận Thủ Đức	05/3/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
5	Quyết định	1062/2007/QĐ-UBND ngày 02/4/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Xuân, quận Thủ Đức	09/4/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
6	Quyết định	1063/2007/QĐ-UBND ngày 02/4/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Trường Thọ, quận Thủ Đức	09/4/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
7	Quyết định	1314/2007/QĐ-UBND ngày 11/5/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Tam Bình, quận Thủ Đức	18/5/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
8	Quyết định	1442/2007/QĐ-UBND ngày 26/6/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Tam Phú, quận Thủ Đức	03/7/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
9	Quyết định	2033/2007/QĐ-UBND ngày 03/10/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Trung cấp nghề Thủ Đức	10/10/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh

10	Quyết định	2245/2007/QĐ-UBND ngày 08/11/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức	15/11/2007	Không còn đối tượng điều chỉnh
NĂM 2008					
11	Quyết định	205/2008/QĐ-UBND ngày 25/01/2008	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức	01/02/2008	Không còn đối tượng điều chỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 319/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 22 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức hết hiệu lực toàn bộ năm 2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức ban hành Quy chế Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Thủ Đức;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 54/TTr-TP ngày 21 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức hết hiệu lực toàn bộ năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp, Thủ

trưởng các phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thanh Nhân

**DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do bị bãi bỏ	Ngày hết hiệu lực
NĂM 2007					
1	Quyết định	749/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
2	Quyết định	750/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Tây, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015

3	Quyết định	751/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
4	Quyết định	752/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Đông, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
5	Quyết định	1062/2007/QĐ-UBND ngày 02/4/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Xuân, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
6	Quyết định	1063/2007/QĐ-UBND ngày 02/4/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Trường Thọ, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
7	Quyết định	1314/2007/QĐ-UBND ngày 11/5/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Tam Bình, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
8	Quyết định	1442/2007/QĐ-UBND ngày 26/6/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Tam Phú, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
9	Quyết định	2033/2007/QĐ-UBND ngày 03/10/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Trung cấp nghề Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	26/6/2015

10	Quyết định	2245/2007/QĐ-UBND ngày 08/11/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015
NĂM 2008					
11	Quyết định	205/2008/QĐ-UBND ngày 25/01/2008	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ cán sự xã hội tình nguyện phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức	Không còn đối tượng điều chỉnh	31/3/2015

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 229/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 26 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ
hoặc một phần năm 2016****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 86/TTr-TP ngày 22 tháng 01 năm 2016 của phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2016 (*Đính kèm danh mục*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Quận

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2016

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2016

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Thời điểm hết hiệu lực
1	Quyết định	02/2015/QĐ-UBND Ngày 05/01/2015	Về ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách Huyện năm 2015.	Nội dung văn bản đã thực hiện xong trong năm 2015 do đó không còn đối tượng điều chỉnh	31/12/2015
2	Chỉ thị	01/2015/QĐ-UBND ngày 05/01/2014	Về triển khai công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách Huyện năm 2015.	Nội dung văn bản đã thực hiện xong trong năm 2015 do đó không còn đối tượng điều chỉnh	31/12/2015

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2016					
STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày tháng năm ban hành văn bản/ trích yếu nội dung văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	0	0	0	0
2	Chỉ thị	0	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 29 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 06 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Lê Minh Dũng**

Mẫu số: 03

Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày
15/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành
Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ
về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

DANH MỤC**06 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về bãi bỏ văn bản)*

* * *

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày có hiệu lực	Lý do bãi bỏ
01	Quyết định	01/2011/QĐ-UBND Ngày 11/01/2011	Quyết định về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 05 năm 2011-2015	19/01/2011	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản.
02	Quyết định	12/2011/QĐ-UBND Ngày 11/5/2011	Quyết định về ban hành Đề án cải thiện và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2011-2015	19/5/2011	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản.

03	Quyết định	16/2011/QĐ-UBND Ngày 07/07/2011	Quyết định ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	15/7/2011	<p>Căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực thi hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia năm 2001 được thay thế bằng Luật Lưu trữ ngày 25/11/ 2011. - Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 6185/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 bãi bỏ Quyết định số 93/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 về ban hành Quy chế (mẫu) công tác văn thư, lưu trữ cơ quan.
04	Quyết định	20/2011/QĐ-UBND Ngày 31/8/2011	Quyết định về ban hành Quy định về khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ	08/9/2011	<p>Căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực thi hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2003 được thay thế bằng Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 23/2009/NĐ-CP được thay thế bằng Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở. - Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 bãi bỏ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18/8/2004 về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung.

05	Quyết định	04/2012/QĐ-UBND Ngày 22/3/2012	Quyết định ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Cần Giờ	30/3/2012	Nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của: - Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 06 tháng 7 năm 2015. - Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. - Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP.
06	Quyết định	09/2012/QĐ-UBND Ngày 10/9/2012	Quyết định ban hành quy định thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	18/9/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp với Quyết định số 5249/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Danh mục thành phần, hồ sơ tài liệu quận, huyện nộp vào Lưu trữ lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 799/QĐ-UBND

*Cử Chi, ngày 29 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016.****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 7022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp huyện Cử Chi tại Tờ trình số 25/TTr-TP ngày 18 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi được ban hành năm 2015 và rà soát năm 2016;

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ban hành năm 2015 còn hiệu lực năm 2016;

3. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ban hành năm 2015 hết hiệu lực năm 2016;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài Phú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI BAN HÀNH NĂM 2015
ĐƯỢC RÀ SOÁT NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 01 năm 2016)**

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
1	Chỉ thị	Số 01/2015/CT-UBND	Chỉ thị về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, tuyển sinh quan sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên – sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015	02/02/2015	
2	Quyết định	Số 01/2015/QĐ-UBND	Quyết định Ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng – an ninh và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND huyện năm 2015.	16/3/2015	

3	Chỉ thị	Số 02/2015/CT-UBND	Chỉ thị Về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh niên trên địa bàn huyện Củ Chi	16/4/2015	
---	---------	--------------------	---	-----------	--

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hạnh

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài Phú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DANH MỤC

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA UBND HUYỆN CỬ CHI BAN HÀNH NĂM 2015
CÒN HIỆU LỰC**

(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 01 năm 2016)

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
1	Chỉ thị	Số 02/2015/CT-UBND	Chỉ thị Về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh niên trên địa bàn huyện Cử Chi	16/4/2015	

Người lập biểu

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hạnh

Nguyễn Hữu Hoài Phú

DANH MỤC

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA UBND HUYỆN CỬ CHI BAN HÀNH NĂM 2015
HẾT HIỆU LỰC**

(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 01 năm 2016)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Chỉ thị	Số 01/2015/CT-UBND	Chỉ thị về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, tuyển sinh quan sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015	Kết thúc năm 2015 hết thời hiệu thi hành	31/12/2015

2	Quyết định	Số 01/2015/QĐ-UBND	Quyết định Ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa-xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND huyện năm 2015.	Kết thúc năm 2015 hết thời hiệu thi hành	31/12/2015
---	------------	--------------------	---	--	------------

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hạnh

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài Phú

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng